

Bản án số: 22/2024/HS-ST  
Ngày: 26 – 01 – 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN thành phố T1, tỉnh B**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Tố Uyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Hoàng Thuận;

Bà Phạm Thị Bé

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đoàn Phạm Thanh Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố T1, tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T1, tỉnh B tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 22 và 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 368/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HS ngày 12/01/2024 đối với bị cáo:

Tạ Minh Đ, sinh năm 2000 tại tỉnh C; nơi thường trú: Ấp Đ1, xã T, huyện C1, tỉnh C; tạm trú: Đường D15, khu phố 4, phường A, thành phố T1, tỉnh B; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Tạ Văn C2 (năm sinh không rõ) và bà Trương Mỹ T2, sinh năm 1976; bị cáo không có vợ, có 01 người con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú ngày 05/01/2023, bị tạm giữ từ ngày 06/01/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:*** Ông Trương Văn N, sinh năm 1966; Nơi thường trú: 254/4 đường Tây Thạnh, phường T3, quận T4, Thành phố H; Nơi tạm trú: Ô 35, đường D11 DC12, khu phố 4, phường A, thành phố T1, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Ông Trương Văn T4, sinh năm 1988; Nơi thường trú: 254/4 đường Tây Thạnh, phường T3, quận T4, Thành phố H; Nơi tạm trú: Ô 35, đường D11 DC12, khu phố 4, phường A, thành phố T1, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Vũ Đức H1, bà Lê Thị H2. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 05/01/2023, Tạ Minh Đ dựng xe mô tô đứng giữa đường D11, khu phố 4, phường A, thành phố T1, tỉnh B để bán hoa, gần phía trước nhà số Ô35 DC12 của ông Trương Văn T4. Thấy xe mô tô dựng phía trước nhà gây ảnh hưởng đến việc buôn bán của mình nên ông T4 đi ra đuổi Đ đi chỗ khác và xô ngã xe mô tô của Đ nên giữa ông T4 và Đ xảy ra cự cãi. Lúc này Đ cầm 01 cây kéo chỉ vào mặt và chửi ông T4 thì ông T4 vào nhà cầm ra 01 khúc gỗ hình trụ 0cm đánh 02 nhát từ trên xuống trúng vào vai phải của Đ làm cây gỗ bị gãy. Lúc này, cha của ông T4 là ông Trương Văn N thấy ông T4 và Đ cự cãi nên đi từ trong nhà ra chỗ ông T4 và Đ để can ngăn. Sau khi khúc gỗ bị gãy, ông T4 đi vào trong nhà lấy xẻng để làm hung khí đánh Đ. Khi ông N đi đến chỗ Đ, nghĩ ông N hỗ trợ T4 đánh mình nên Đ cầm kéo bằng tay phải đâm 01 nhát trúng vào vùng bụng phía dưới sườn trái ông N gây thương tích, sau đó Đ và ông N giằng co. Trong lúc giằng co, ông N bị kéo đâm 01 nhát trúng vào cánh tay trái và 01 nhát sượt qua vùng trán. Khi ông T4 cầm xẻng đi ra, giơ lên định đánh Đ thì được ông N và người dân có mặt tại đây can ngăn. Đ bỏ về phòng trọ, sau đó đến Công an phường A, thành phố T1 đầu thú. Ông N được người nhà đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa An Phú, thành phố T1, sau đó chuyển đến Bệnh viện Quân Y 175, quận Gò Vấp, Thành phố H điều trị thương tích.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 cây kéo bằng kim loại, dài 23cm, cán tay cầm có bọc nhựa màu đen;
- 01 cây gỗ thân tròn đường kính 3,4cm, dài 80cm;
- 01 cây xẻng thân gỗ tre, lưỡi xẻng bằng kim loại, dài 110cm.

Theo Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 185/2023/KLGD-TTPY ngày 03/4/3033 của Trung tâm Pháp y Sứ Y tế tỉnh B kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại Trương Văn N tại thời điểm giám định là: 39% (Ba mươi chín phần trăm), gồm: Vết thương vùng hông trái 4,5 x 0,3cm, thấu bụng, thủng đại tràng ngang, đã phẫu thuật khâu đại tràng ngang, vết mổ đường giữa bụng trên dưới rốn 15 x 0,3cm, vết mổ bụng trái 3,8 x 0,4cm, vết dẫn lưu vùng bụng trái 2,6 x 0,5cm, sẹo lành.

Cơ chế hình thành thương tích: Vết thương hông trái, thấu bụng thủng đại tràng ngang: Sẹo bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc nhọn gây ra.

Bản Cáo trạng số 357/CT-VKS-TA ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T1, tỉnh B đã truy tố bị cáo Tạ Minh Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

**Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T1, tỉnh B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo:

Tạ Minh Đ từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

Ngoài ra còn yêu cầu về phần xử lý vật chứng và phân trách nhiệm dân sự theo quy định.

- Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về hoà nhập cuộc sống và chăm lo cho gia đình.

- Bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại xác định toàn bộ thương tích của bị hại như kết luận giám định là do bị cáo Tạ Minh Đ gây ra. Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích số tiền 50.000.000 đồng, đồng thời bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Bị hại Trương Văn N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T4 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là tự nguyện, không trái pháp luật, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Lời khai của bị cáo Tạ Minh Đ tại phiên tòa thống nhất lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 05/01/2023, tại giữa đường D11 phía trước cửa nhà số Ô35 DC12, thuộc khu phố 4, phường A, thành phố T1, tỉnh B, bị cáo Tạ Minh Đ đã có hành vi dùng kéo (là hung khí nguy hiểm) đâm bị hại Trương Văn N gây thương tích với tỷ lệ 39%. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T1 truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Xét hành vi của bị cáo sử dụng kéo là hung khí nguy hiểm đâm bị hại gây thương tích là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, lỗi của bị cáo là cố ý trực tiếp, do đó cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Lời đề nghị về mức hình phạt, phân trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị hại Trương Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích tổng số tiền 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Đối với hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T4 sử dụng cây gỗ đánh bị cáo Tạ Minh Đ, xét thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Tạ Minh Đ khai nhận: Địa điểm ông Trương Văn T4 dùng cây gỗ đánh Tạ Minh Đ là ở giữa đường D11 ngay tại khu vực chợ Việt Sing, dân cư cư trú đông. Tại thời điểm này, chợ đang hoạt động và đông đúc. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với sơ đồ nơi xảy ra vụ việc Cố ý gây thương tích cũng như lời khai của người làm chứng ông Vũ Đức H1 (bút lục 74, 75) và bà Lê Thị H2 (bút lục 76, 77). Do hành vi của ông Trương Văn T4 dùng hung khí đánh Tạ Minh Đ là nguyên nhân khởi phát của hành vi phạm tội của bị cáo Tạ Minh Đ, có dấu hiệu của tội “Gây rối trật tự công cộng”, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T1 không khởi tố vụ án đối với ông Trương Văn T4 là bỏ lọt tội phạm. Do đó, Tòa án kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T1 khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với ông Trương Văn T4 về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” để đảm bảo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[11] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 cây kéo bằng kim loại, dài 23cm, cán tay cầm có bọc nhựa màu đen là hung khí Tạ Minh Đ sử dụng để gây thương tích cho ông Trương Văn N, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 cây gỗ thân tròn đường kính 3,4cm, dài 80cm và 01 cây xẻng thân gỗ tre, lưỡi xẻng bằng kim loại, dài 110cm xác định của người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T4. Ông T4 không yêu cầu nhận lại, xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Các Điều 106, 136; các Điều 292, 333, 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **1. Về trách nhiệm hình sự:**

Tuyên bố bị cáo Tạ Minh Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Tạ Minh Đ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2023.

### **2. Về xử lý vật chứng:** Tịch thu, tiêu hủy:

01 cây kéo bằng kim loại dài 23cm, cán tay cầm có bọc nhựa màu đen;

01 cây gỗ thân tròn đường kính 3,4cm, dài 80cm;

01 cây xẻng thân gỗ tre, lưỡi xẻng bằng kim loại dài 110cm.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/12/2023 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1).*

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo Tạ Minh Đ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Trương Văn N số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

**4, Về án phí:** Bị cáo Tạ Minh Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T1 khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với ông Trương Văn T4 về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” theo Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

### **6. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND, Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thành phố T1;
- Công an, Chi cục THADS thành phố T1;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tố Uyên**